

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 629/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 695/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 165/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thúy L**, sinh năm: 1985

Hộ khẩu thường trú: ấp X, xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: đường L, ấp A, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Hứa Công T**, sinh năm: 1986

Hộ khẩu thường trú: ấp X, xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: đường L, ấp A, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Võ Thúy L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Hứa Công T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2019, bản tự khai ngày 16 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thúy L trình bày:

Bà và ông Hứa Công T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 09/10/2012. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T ham mê cờ bạc, tự ý nghỉ việc, mỗi lần vợ chồng cãi vã ông T còn đánh đập bà. Bà đã khuyên nhủ chồng nhiều lần và cho ông T nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng ông T vẫn không thay đổi. Đến năm 2018, bà phát hiện ông T chơi cờ bạc khiến cho công việc làm ăn bị bê trễ, tính tình trở nên nóng nảy, thô lỗ, sẵn sàng đánh đập bà tàn nhẫn. Từ năm 2018 cho đến nay, ông T tiếp tục chơi cờ bạc và đánh đập bà nhiều lần, bà cũng đã trình báo cho công an xã nhưng bà nhận thấy ông T không hề biết hối hận. Ông T còn lén bà đi vay mượn khắp nơi để làm ăn riêng mà không bàn bạc với bà, không trung thực về tiền bạc, nói dối bà nhiều lần dẫn đến nhiều hệ lụy cho gia đình. Đến nay bà nhận thấy vợ chồng không còn hòa hợp, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn vì bà đã chịu đựng quá nhiều tổn thương, bà không còn tin tưởng chồng, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân với ông T do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hứa Công T.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Hứa Nhật L, sinh ngày 20/3/2014 và trẻ Hứa Ngọc D, sinh ngày 26/12/2017. Khi ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ L và trẻ D; bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hứa Công T trình bày:

Ông và bà Võ Thúy L bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 09/10/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nhiều sự việc xảy ra mà hai bên không thể bỏ qua được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nữa nên ông đồng ý ly hôn với bà Võ Thúy L.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Hứa Nhật L, sinh ngày 20/3/2014 và trẻ Hứa Ngọc D, sinh ngày 26/12/2017. Khi ly hôn, ông đồng ý giao trẻ D cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng; ông yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Hứa Nhật L, hai bên không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Võ Thúy L; giao trẻ Hứa Nhật L và trẻ Hứa Ngọc D cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hứa Công T; bà L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thúy L khởi kiện xin ly hôn với ông Hứa Công T, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Hứa Công T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Hứa Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Võ Thúy L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T theo quy định tại và điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thúy L và ông Hứa Công T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 1/2012 đăng ký ngày 09/10/2012 tại Ủy ban nhân dân phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thúy L: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thúy L xác nhận thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn xảy ra. Nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T ham mê cờ bạc, gây nợ nần ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, thường xuyên đánh đập bà. Đến nay bà L đã chịu nhiều tổn thương, không còn tin tưởng ông T, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân với ông T do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

[5] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện nội dung như sau: *“Trong quá trình chung sống giữa ông Hứa Công T và bà Võ Thúy L không xảy ra mâu thuẫn gì, chỉ xảy ra cãi vã và giận nhau. Hiện tại ông T và bà L đang sống cùng 02 con là Hứa Nhật Liên và Hứa Ngọc Diệp tại E10/291R ấp 5, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh”*.

[6] Tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

[7] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

[8] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống giữa bà L và ông T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T

ham mê cờ bạc ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, thường xuyên có hành vi đánh đập bà L, lừa dối nhiều lần khiến cho bà L mất niềm tin nên bà L không còn muốn duy trì hôn nhân với ông T. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng cuộc sống hôn nhân của bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn mà hai bên không thể khắc phục khiến cho tình cảm vợ chồng rạn nứt từ lâu và cho đến nay vợ chồng chung sống đã không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng cũng không còn. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông T đều xác nhận không còn tình cảm với nhau và ông T cũng đồng ý ly hôn với bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên việc chung sống cũng không còn ý nghĩa gì nữa. Do đó, bà L yêu cầu ly hôn với ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về con chung: Bà L và ông T xác nhận trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung là trẻ Hứa Nhật L, sinh ngày 20/3/2014 và trẻ Hứa Ngọc D, sinh ngày 26/12/2017. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ L, trẻ D; bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Liên, ông đồng ý giao trẻ Diệp cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không ai cấp dưỡng nuôi con.

[10] Tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 12 năm 2020, ông T đồng ý giao trẻ Hứa Ngọc D cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, ông yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Hứa Nhật L; không ai cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã ban hành Thông báo số 10/TB-TA ngày 19/02/2021 và Thông báo số 27/TB-TA ngày 27/3/2021 về việc yêu cầu ông T cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn và chứng minh thu nhập hàng tháng của mình, nhưng ông T không thực hiện. Ông T đã tự tước bỏ quyền chứng minh của mình nên ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho các điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Hứa Nhật Liên của ông T.

[11] Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[12] Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ ngày 09 tháng 4 năm 2021 thể hiện ý kiến của trẻ Hứa Nhật L như sau: Nếu ba mẹ ly hôn thì trẻ Liên muốn sống với mẹ. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà L về việc được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Hứa Nhật L và trẻ Hứa Ngọc D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[14] Về tài sản chung: Bà Võ Thúy L và ông Hứa Công T cùng xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[15] Về nợ chung: Bà Võ Thúy L và ông Hứa Công T cùng xác nhận không có do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thúy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thúy L về việc yêu cầu ly hôn với ông Hứa Công T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thúy L được ly hôn với ông Hứa Công T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 1/2012 đăng ký ngày 09/10/2012 tại Ủy ban nhân dân phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Võ Thúy L và ông Hứa Công T có 02 (hai) con chung là trẻ Hứa Nhật L, sinh ngày 20/3/2014 và trẻ Hứa Ngọc D, sinh ngày 26/12/2017.

Giao trẻ Hứa Nhật L và trẻ Hứa Ngọc D cho bà Võ Thúy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung đối với ông Hứa Công T.

Ông Hứa Công T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Võ Thúy L và ông Hứa Công T cùng xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác

1.4. Về nợ chung: Bà Võ Thúy L và ông Hứa Công T cùng xác nhận không có do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thúy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0079627 ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thúy L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thúy L và ông Hứa Công T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- Ủy ban nhân dân phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Tuyền

